

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TIEN INDUSTRIES



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Lào Cai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *HCM Stock Exchange*

I. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần An Tien Industries

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HII
- Địa chỉ/*Address*: Khu công nghiệp phía Nam, Phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0216 3 853 886 – 0216 3 856 555
- E-mail: info@antienindustries.com

II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo tài chính Riêng 6 tháng đầu năm 2025 được soát xét (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh);
Reviewed interim separate financial statements for the six months of 2025 (Vietnamese and English versions)
- Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 được soát xét (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh);
Reviewed interim consolidated financial statements for the six months of 2025 (Vietnamese and English versions);
- Giải trình chênh lệch LNST tại BCTC Riêng + Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.
Explanation of the difference in net profit after tax in the reviewed interim financial statements compared to the same period of 2024.

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn www.antienindustries.com/This information was published on the company's website on 29/08/2025 as in the link www.antienindustries.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin

Dương Huy Bình

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần An Tiến Industries

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và phân phối bột đá CaCO_3 , hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Diệu Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thủy Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Đỗ Như Quỳnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Ngô Văn Thụ, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 26 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.


Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12122747/68663477/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần An Tiên Industries

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiên Industries ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đào Văn Thich
Giám đốc Cấp cao
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2025

008
CÔ
T
ST
IỆT
HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		431.979.626.272	496.196.429.857
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	73.736.944.118	153.678.497.587
111	1. Tiền		24.507.944.118	33.678.497.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		49.229.000.000	120.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		203.161.304.308	196.316.682.057
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	156.009.932.136	118.566.492.555
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	19.040.798.062	72.633.545.509
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.252.099.880	7.258.169.763
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.141.525.770)	(2.141.525.770)
140	III. Hàng tồn kho	8	101.300.470.237	95.620.627.477
141	1. Hàng tồn kho		102.206.784.924	96.633.016.755
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(906.314.687)	(1.012.389.278)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		53.780.907.609	50.580.622.736
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	396.637.062	1.877.608.364
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	52.901.654.121	47.385.786.099
153	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	14	482.616.426	1.317.228.273
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		683.086.406.414	653.596.879.617
220	I. Tài sản cố định		206.056.353.734	200.417.098.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	194.524.287.481	188.703.693.214
222	Nguyên giá		447.544.807.633	426.772.716.483
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(253.020.520.152)	(238.069.023.269)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	11.532.066.253	11.713.405.525
228	Nguyên giá		16.248.646.836	16.248.646.836
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.716.580.583)	(4.535.241.311)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		270.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		270.000.000	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	470.235.503.110	448.435.963.578
251	1. Đầu tư vào công ty con		440.225.997.450	334.749.837.450
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		193.016.300.000	232.866.500.000
253	3. Đầu tư khác		-	1.260.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(163.006.794.340)	(120.440.373.872)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.524.549.570	4.743.817.300
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.524.549.570	4.743.817.300
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.115.066.032.686	1.149.793.309.474

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		242.636.198.453	260.699.924.018
310	I. Nợ ngắn hạn		190.301.063.333	189.505.329.434
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	61.486.367.857	43.206.095.737
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	4.932.292.707	2.572.554.495
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	43.143.932	37.363.182
314	4. Phải trả người lao động		2.826.638.642	2.483.746.113
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.260.000.000	4.111.143.613
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.669.702.027	2.935.429.444
320	7. Vay ngắn hạn	17	109.113.477.201	125.946.036.262
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.4	6.969.440.967	8.212.960.588
330	II. Nợ dài hạn		52.335.135.120	71.194.594.584
338	1. Vay dài hạn	17	52.335.135.120	71.194.594.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		872.429.834.233	889.093.385.456
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	872.429.834.233	889.093.385.456
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		736.630.160.000	736.630.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		736.630.160.000	736.630.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.942.220.000	5.942.220.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.043.106.930	11.043.106.930
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.564.926.542	1.564.926.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		117.249.420.761	133.912.971.984
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		111.353.726.285	131.661.118.872
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.895.694.476	2.251.853.112
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.115.066.032.686	1.149.793.309.474

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	469.168.066.535	445.291.296.329
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	(70.557.740)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	469.168.066.535	445.220.738.589
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(361.054.316.522)	(329.140.361.714)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		108.113.750.013	116.080.376.875
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	37.176.215.129	12.540.720.084
22	7. Chi phí tài chính	21	(50.051.497.361)	4.500.163.542
23	Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành khoản vay)		(5.233.899.185)	(3.431.492.667)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(77.835.522.953)	(87.717.081.463)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(11.085.382.061)	(8.825.753.147)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.317.562.767	36.578.425.891
31	11. Thu nhập khác		424.800.332	77.024.506
32	12. Chi phí khác		(12.056.776)	(333.649.770)
40	13. Lãi/(lỗ) khác		412.743.556	(256.625.264)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.730.306.323	36.321.800.627
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(834.611.847)	(8.208.400.057)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.895.694.476	28.113.400.570

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025


Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.730.306.323	36.321.800.627
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		15.132.836.155	15.373.161.324
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		42.460.345.877	(8.704.224.902)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.147.535.468)	(490.798.449)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(28.217.472.092)	(5.007.725.949)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành khoản vay)	21	5.833.899.185	4.001.492.667
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.792.379.980	41.493.705.318
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		9.894.887.247	(68.412.686.690)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.573.768.169)	(27.615.551.194)
11	Tăng các khoản phải trả		10.604.226.613	30.714.258.680
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(299.760.968)	1.150.608.733
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.304.963.612)	(3.480.984.885)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.623.860.520)	(36.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		48.489.140.571	(26.186.650.038)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(13.908.047.746)	(788.000.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	250.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(180.463.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	185.463.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(105.476.160.000)	(33.120.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		40.381.200.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.167.702.092	13.705.844.828
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(71.835.305.654)	(14.952.155.172)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		282.636.761.579	303.236.866.999
34	Tiền trả nợ gốc vay		(317.820.052.458)	(262.479.032.381)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.083.025.455)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(57.266.316.334)	40.757.834.618
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(80.612.481.417)	(380.970.592)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		153.678.497.587	42.530.334.385
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		670.927.948	143.469.460
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	73.736.944.118	42.292.833.253

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và phân phối bột đá CaCO3, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là: 245 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 230 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”)	99,65%	99,65%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	99%	99%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và cung ứng dịch vụ Logistics
3	Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD (“Công ty An Thành Singapore”)	100%	100%	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11 Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày/ từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 26 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Tài sản cố định khác	3 - 30 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn/Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau (tiếp theo):

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

► Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để dự phòng tăng vốn cổ phần của Công ty trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ đá, nhựa và sản phẩm có liên quan, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh các sản phẩm từ đá, nhựa và các sản phẩm có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh thoái vốn

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2025, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã thực hiện giao dịch thoái vốn tại Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 45,1%. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh không còn là công ty mẹ và trở thành thành Cổ đông lớn của Công ty kể từ ngày này.

4.2 Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty An Thành

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 15.511.200 cổ phần của Công ty An Thành từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh với giá trị chuyển nhượng là 105.476.160.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này tăng từ 51% lên thành 99,65% kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ (tiếp theo)

4.3 Giảm vốn đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2025, Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (Công ty PBAT) đã thực hiện hoàn trả một phần vốn góp của chủ sở hữu cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty. Theo đó, Công ty PBAT hoàn trả 3.985.020 cổ phần cho Công ty An Tiến với tổng giá trị hoàn trả là 39.850.200.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	34.456.123	68.325.835
Tiền gửi ngân hàng	24.473.487.995	33.610.171.752
Các khoản tương đương tiền (*)	49.229.000.000	120.000.000.000
TỔNG CỘNG	73.736.944.118	153.678.497.587

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,3% đến 4,75%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	147.491.724.317	113.913.773.833
Công ty New Trend Trading LLC	24.725.941.242	10.381.175.630
Công ty Petromall Industrial and Trading	17.503.370.950	10.898.976.308
Công ty Kal'tek LLC	12.284.823.598	1.880.035.985
Các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	92.977.588.527	90.753.585.910
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	8.518.207.819	4.652.718.722
TỔNG CỘNG	156.009.932.136	118.566.492.555
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	(2.141.525.770)	(2.141.525.770)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho người bán	13.566.207.888	8.759.477.144
Asia Oriental technology Pte.,Ltd	10.126.604.000	4.486.755.600
Trả trước người bán ngắn hạn khác	3.439.603.888	4.272.721.544
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	5.474.590.174	63.874.068.365
TỔNG CỘNG	19.040.798.062	72.633.545.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.520.529.976	-	1.441.934.637	-
Lãi dự thu	-	-	90.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	27.568.770.000	-	5.700.000.000	-
Phải thu khác	162.799.904	-	26.235.126	-
TỔNG CỘNG	30.252.099.880	-	7.258.169.763	-
Trong đó				
Phải thu ngắn hạn khác	2.683.329.880	-	1.548.169.763	-
Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	27.568.770.000	-	5.710.000.000	-

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đi đường	-	-	10.169.515.968	-
Nguyên vật liệu	71.909.118.844	-	64.721.640.050	-
Công cụ, dụng cụ	7.189.930.703	-	4.127.833.051	-
Thành phẩm	18.288.572.869	(906.314.687)	15.854.756.629	(1.012.389.278)
Hàng gửi bán	4.819.162.508	-	1.759.271.057	-
TỔNG CỘNG	102.206.784.924	(906.314.687)	96.633.016.755	(1.012.389.278)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	1.012.389.278	352.690.563
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	906.314.687	709.055.264
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.012.389.278)	(352.690.563)
Số cuối kỳ	906.314.687	709.055.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	149.295.467.785	240.009.722.584	27.720.508.931	5.522.432.637	4.224.584.546	426.772.716.483
- Mua sắm trong kỳ	397.075.450	18.886.217.064	1.455.363.636	33.435.000	-	20.772.091.150
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	149.692.543.235	258.895.939.648	29.175.872.567	5.555.867.637	4.224.584.546	447.544.807.633
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.634.145.316	47.402.540.187	7.826.243.487	1.017.691.273	264.854.546	59.145.474.809
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	54.841.555.151	156.010.715.740	20.475.755.068	4.611.920.268	2.129.077.042	238.069.023.269
- Khấu hao trong kỳ	3.108.540.807	10.069.003.890	1.310.390.974	303.340.896	160.220.316	14.951.496.883
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	57.950.095.958	166.079.719.630	21.786.146.042	4.915.261.164	2.289.297.358	253.020.520.152

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	94.453.912.634	83.999.006.844	7.244.753.863	910.512.369	2.095.507.504	188.703.693.214
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	91.742.447.277	92.816.220.018	7.389.726.525	640.606.473	1.935.287.188	194.524.287.481

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại khoảng 27,8 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	108.250.000	108.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.310.681.417	224.559.894	4.535.241.311
- Hao mòn trong kỳ	162.520.272	18.819.000	181.339.272
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.473.201.689	243.378.894	4.716.580.583
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	11.616.305.419	97.100.106	11.713.405.525
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	11.453.785.147	78.281.106	11.532.066.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con		440.225.997.450	(43.089.561.463)	(*)		334.749.837.450	(53.189.022.279)	(*)	
Công ty An Tín	99%	156.950.000.000	-	(*)	99%	156.950.000.000	-	(*)	
Công ty An Thành (Thuyết minh số 4.2)	99,65%	268.064.160.000	(43.089.561.463)	(*)	51%	162.588.000.000	(53.189.022.279)	(*)	
Công ty An Thành Singapore	100%	15.211.837.450	-	(*)	100%	15.211.837.450	-	(*)	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		193.016.300.000	(119.917.232.877)	(*)		232.866.500.000	(67.251.351.593)	(*)	
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (Thuyết minh số 4.3)	39,83%	178.203.800.000	(119.917.232.877)	(*)	39,83%	218.054.000.000	(67.251.351.593)	(*)	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	16,67%	14.812.500.000	-	(*)	16,67%	14.812.500.000	-	(*)	
Đầu tư vào đơn vị khác		-	-	(*)		1.260.000.000	-	(*)	
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	0%	-	-	(*)	1%	1.260.000.000	-	(*)	
TỔNG CỘNG		633.242.297.450	(163.006.794.340)	(*)		568.876.337.450	(120.440.373.872)	(*)	

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	337.511.431	850.011.385
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	59.125.631	1.027.596.979
TỔNG CỘNG	396.637.062	1.877.608.364
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.232.861.563	3.215.778.878
Các khoản khác	1.291.688.007	1.528.038.422
TỔNG CỘNG	6.524.549.570	4.743.817.300

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả ngắn hạn người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	41.916.810.143	41.916.810.143	26.265.734.648	26.265.734.648
Công ty TNHH TTC Hà Nam	7.117.308.000	7.117.308.000	3.289.248.000	3.289.248.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	5.558.540.000	5.558.540.000	1.626.520.000	1.626.520.000
Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Thành Vũ	4.052.590.001	4.052.590.001	6.911.611.001	6.911.611.001
Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	-	-	2.089.670.400	2.089.670.400
Phải trả cho các đối tượng khác	25.188.372.142	25.188.372.142	12.348.685.247	12.348.685.247
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	19.569.557.714	19.569.557.714	16.940.361.089	16.940.361.089
TỔNG CỘNG	61.486.367.857	61.486.367.857	43.206.095.737	43.206.095.737

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Sheet Plastic (Pty) Limited Company	742.306.345	105.405.854
Kal'tek Llc Limited Company	686.073.829	-
Đối tượng khác	3.503.912.533	2.467.148.641
TỔNG CỘNG	4.932.292.707	2.572.554.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cần trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	18.942.074.400	(18.942.074.400)	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.363.182	285.231.992	(279.451.242)	43.143.932
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.146.214.698	(2.146.214.698)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	834.611.847	(834.611.847)	-
Thuế khác	-	181.877.603	(181.877.603)	-
TỔNG CỘNG	37.363.182	22.390.010.540	(22.384.229.790)	43.143.932
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu/cần trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	47.385.786.099	36.224.898.766	(30.709.030.744)	52.901.654.121
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.317.228.273	-	(834.611.847)	482.616.426
TỔNG CỘNG	48.703.014.372	36.224.898.766	(31.543.642.591)	53.384.270.547

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi vay	-	71.064.427
Chi phí tiền điện	-	1.637.213.256
Trích trước lương tháng 13	1.260.000.000	2.402.865.930
TỔNG CỘNG	1.260.000.000	4.111.143.613

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Kinh phí công đoàn	95.096.609	84.506.409
Phí xuất hàng	1.979.938.569	1.695.081.031
Phải trả khác	1.594.666.849	1.155.842.004
TỔNG CỘNG	3.669.702.027	2.935.429.444
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	89.006.692	51.519.889
Phải trả đối tượng khác	3.580.695.335	2.883.909.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Số phát sinh trong kỳ				Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Đơn vị tính: VND
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá		Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn												
Vay ngân hàng												
(Thuyết minh số 17.1)												
Vay dài hạn tới hạn trả	87.027.117.334	87.027.117.334	87.027.117.334	282.636.761.579	(298.360.592.994)	(1.108.727.646)	70.194.558.273	70.194.558.273	70.194.558.273	70.194.558.273	70.194.558.273	
	38.918.918.928	38.918.918.928	38.918.918.928	19.459.459.464	(19.459.459.464)	-	38.918.918.928	38.918.918.928	38.918.918.928	38.918.918.928	38.918.918.928	
TỔNG CỘNG	125.946.036.262	125.946.036.262	125.946.036.262	302.096.221.043	(317.820.052.458)	(1.108.727.646)	109.113.477.201	109.113.477.201	109.113.477.201	109.113.477.201	109.113.477.201	
Vay dài hạn												
Vay ngân hàng												
(Thuyết minh số 17.2)												
	71.194.594.584	71.194.594.584	71.194.594.584	-	(18.859.459.464)	-	52.335.135.120	52.335.135.120	52.335.135.120	52.335.135.120	52.335.135.120	
TỔNG CỘNG	71.194.594.584	71.194.594.584	71.194.594.584	-	(18.859.459.464)	-	52.335.135.120	52.335.135.120	52.335.135.120	52.335.135.120	52.335.135.120	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Lãi suất (%năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Vay ngắn hạn VND	70.194.558.273	-	3,9% - 4,7%	Gốc vay đáo hạn từ ngày 14 tháng 7 năm 2025 đến 22 tháng 12 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.
TỔNG CỘNG (*)	70.194.558.273			

(*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nêu trên:

- ▶ Tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015; và
- ▶ Tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 51/2018/HĐĐB/NHCTKCNHD5 ngày 17 tháng 4 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn ngân hàng

Khoản vay	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Vay ngân hàng VND	91.254.054.048	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng + biên độ 3,825%/năm	Gốc vay đáo hạn lần cuối vào 15 tháng 11 năm 2027. Gốc và lãi vay được trả hàng tháng.
TỔNG CỘNG (*)	91.254.054.048		
Trong đó			
- Vay dài hạn đến hạn trả	38.918.918.928		
- Vay dài hạn	52.335.135.120		

(*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn nêu trên:

- ▶ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát, một công ty con của cổ đông lớn, được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2093/2024/HĐTC ký ngày 07 tháng 11 năm 2024; và
- ▶ Bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, cổ đông lớn, với giá trị bảo lãnh là 87.600.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	142.059.044.462	897.239.457.934
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	28.113.400.570	28.113.400.570
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(10.397.925.590)	(10.397.925.590)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	159.774.519.442	914.954.932.914
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2025	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	133.912.971.984	889.093.385.456
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.895.694.476	5.895.694.476
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(22.098.904.800)	(22.098.904.800)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(460.340.899)	(460.340.899)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	117.249.420.761	872.429.834.233

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2024 số tiền 22.098.904.800 VND và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 460.340.899 VND theo Nghị quyết số 250401/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đăng ký phát hành	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	736.630.160.000	736.630.160.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	736.630.160.000	736.630.160.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.098.904.800	-

18.4 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	8.212.960.588	935.498
Trích quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 18.1)	460.340.899	10.397.925.590
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.703.860.520)	(36.000.000)
Số cuối kỳ	6.969.440.967	10.362.861.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng doanh thu	469.168.066.535	445.291.296.329
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	448.787.693.342	422.828.427.068
Doanh thu bán hàng hóa	19.595.873.193	22.078.408.150
Doanh thu dịch vụ	784.500.000	384.461.111
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(70.557.740)
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	-	(70.557.740)
Doanh thu thuần	469.168.066.535	445.220.738.589
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	64.032.003.257	54.075.687.976
Doanh thu với các đối tượng khác	405.136.063.278	391.145.050.613

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Cổ tức được chia	27.568.770.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.377.702.092	4.936.033.862
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.229.743.037	7.604.686.222
TỔNG CỘNG	37.176.215.129	12.540.720.084

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn bán thành phẩm	345.279.577.683	313.381.090.478
Giá vốn bán hàng hóa	15.774.738.839	15.759.271.236
TỔNG CỘNG	361.054.316.522	329.140.361.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	5.233.899.185	3.431.492.667
Chi phí phát hành khoản vay	600.000.000	570.000.000
Chi phí do các hoạt động đầu tư khác	764.220.000	399.305.559
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	157.957.708	278.471.738
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	729.000.000	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	42.566.420.468	(9.179.433.506)
TỔNG CỘNG	50.051.497.361	(4.500.163.542)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.028.405.993	82.034.918.210
Chi phí nhân viên	2.024.569.941	2.096.269.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480.079.860	555.256.728
Chi phí bán hàng khác	1.302.467.159	3.030.637.412
TỔNG CỘNG	77.835.522.953	87.717.081.463
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3.528.261.753	3.587.986.074
Thuế, phí và lệ phí	1.811.602.653	1.502.216.340
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	190.000.000	165.000.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.171.360.030	1.144.506.102
Chi phí quản lý khác	4.384.157.625	2.426.044.631
TỔNG CỘNG	11.085.382.061	8.825.753.147

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí nguyên vật liệu	292.977.078.863	275.047.415.006
Chi phí nhân công	20.647.153.973	18.924.174.931
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	15.132.836.155	15.373.161.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.342.372.890	106.022.722.455
Chi phí khác	6.594.748.507	7.424.958.292
TỔNG CỘNG	439.694.190.388	422.792.432.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	834.611.847	8.205.306.238
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	3.093.819
TỔNG CỘNG	834.611.847	8.208.400.057

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.730.306.323	36.321.800.627
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	1.346.061.265	7.264.360.125
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.346.061.265	7.264.360.125
Điều chỉnh cho các khoản:		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu kỳ này	(229.507.094)	(146.879.674)
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu năm trước	224.736.198	61.144.649
Các khoản chi phí không được trừ khác	156.082.441	827.092.927
Dự phòng đầu tư tài chính	4.419.442.144	-
Các khoản điều chỉnh tăng khác	431.550.893	374.204.802
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	3.093.819
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh không chịu thuế TNDN	(5.513.754.000)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(174.616.591)
Chi phí thuế TNDN	834.611.847	8.208.400.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty mẹ của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty An Phát International, INC.	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 đến ngày 26 tháng 5 năm 2025)
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát Công ty AnKor Bioplastics., Ltd	Công ty liên kết Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết của Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty liên kết của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông Công ty Cổ phần Anbio	Công ty liên kết Công ty liên kết của công ty con Công ty liên kết của công ty con Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	40.321.043.248	38.327.282.990
		Mua hàng hóa, dịch vụ	52.829.501.277	19.580.095.041
		Mua tài sản cố định	6.559.000.000	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.522.927.507	42.453.521.173
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	-	52.036.754.357
		Mua cổ phần	105.476.160.000	-
		Trả cổ tức	8.820.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty mẹ của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Chi phí dịch vụ	750.000.000	636.000.000
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	810.000.000	763.880.000
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.419.750.000	-
		Mua nguyên vật liệu	1.602.556.818	5.801.974.340
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.671.032.240	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	1.102.125.000	3.224.025.000
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	56.125.630.791	65.726.099.151
		Cổ tức được chia	23.760.000.000	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	63.622.418.178	47.768.327.949
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	21.150.000	50.850.000
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.265.000	74.580.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con	Cổ tức được chia	3.808.770.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	5.461.720.000	2.665.520.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.258.821.255	611.368.780
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.007.892.000	3.473.492.000
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	497.939.400	168.264.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	31.878.480	32.037.520
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	81.521.640	30.708.720
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	-	12.700.000.000
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	16.703.340.009	13.032.034.986
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.528.396.384	13.984.961.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	105.000.000	-
		Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	162.201.110	94.815.000
		Mua tài sản cố định	80.000.000	-
		Tiền thu từ bán hàng	115.500.000	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	257.132.200	38.709.000
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Chi tạm ứng	100.000.000	550.000.000
		Nhận hoàn ứng	100.000.000	670.000.000
Ông Dương Huy Bình	Người phụ trách quản trị Công ty	Chi tạm ứng	18.000.000	151.000.000
		Nhận hoàn ứng	28.000.000	156.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản đi vay và cho vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)	Bán hàng hóa	673.949.512	-
	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)			
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)	Bán hàng hóa	7.844.258.307	4.652.718.722
	Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)			
TỔNG CỘNG			8.518.207.819	4.652.718.722
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	5.474.590.174	63.874.068.365
	Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)			
TỔNG CỘNG			5.474.590.174	63.874.068.365
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty An Tín	Công ty con	Phải thu về cổ tức	23.760.000.000	4.950.000.000
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Phải thu về cổ tức	3.808.770.000	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Suất Ăn Công Nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Phải thu về cổ tức	-	750.000.000
Ông Dương Huy Bình	Người phụ trách quản trị Công ty	Tạm ứng	-	10.000.000
TỔNG CỘNG			27.568.770.000	5.710.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty An Tín	Công ty con	Mua hàng hóa	10.912.176.541	16.933.907.009
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua tài sản	7.107.480.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	861.587.553	-
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	660.687.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	23.181.120	6.454.080
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty trong Tập đoàn (đến ngày 27 tháng 3 năm 2025) Công ty con của Cổ đông lớn (từ ngày 28 tháng 3 năm 2025)	Mua hàng hóa	4.445.000	-
TỔNG CỘNG			19.569.557.714	16.940.361.089
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Công ty An Tín	Công ty con	Phải trả khác	89.006.692	51.519.889
TỔNG CỘNG			89.006.692	51.519.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm	Thu nhập	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		546.592.307	288.000.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch		60.000.000	60.000.000
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025	20.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025	144.297.116	-
TỔNG CỘNG			770.889.423	378.000.000

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	42.000.000	30.000.000

26. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, văn phòng, nhà máy và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	3.902.696.001	902.096.001
Từ 1 - 5 năm	6.130.315.064	634.248.852
Trên 5 năm	2.673.538.538	2.718.852.750
TỔNG CỘNG	12.706.549.603	4.255.197.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

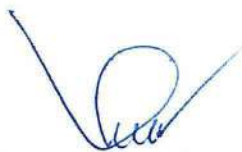
<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	479.886	1.078.490
Euro (EUR)	162.780	24.260
Rúp Nga (RUB)	14.778	1.565.556

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2025 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiểm Kế toán trưởng



Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn